

## BÁO CÁO

### Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 6 tháng đầu năm; kế hoạch thực hiện 6 tháng cuối năm 2020

#### Phần thứ nhất

#### ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM

#### I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

Trong 06 tháng đầu năm 2020, đã triển khai các nhiệm vụ chính về xây dựng nông thôn mới, cụ thể như sau:

- Tổ chức rà soát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2019; xây dựng kế hoạch thực hiện năm 2020 cấp huyện, xã<sup>(1)</sup>.
- Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới huyện tổ chức làm việc tại các xã để đánh giá kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2019 và triển khai kế hoạch thực hiện năm 2020<sup>(2)</sup>.
- Tổ chức thẩm định, công nhận và hướng dẫn công bố làng Krêl, xã Ia Krêl và làng Mook Trêl, xã Ia Dom đạt chuẩn làng nông thôn mới trong đồng bào DTTS năm 2019<sup>(3)</sup>.
- Triển khai các xã, thị trấn hướng dẫn các cơ sở sản xuất, kinh doanh tham gia Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) và xây dựng kế hoạch thực hiện năm 2020 trên địa bàn<sup>(4)</sup>.
- Triển khai thực hiện kế hoạch vốn đầu tư phát triển; vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2020; huy động nguồn lực để hoàn thành các tiêu chí chưa đạt tại xã Ia Nan, Ia Krêl trong năm 2020<sup>(5)</sup>.

<sup>1</sup> Cấp huyện: Báo cáo số 179/BC-UBND, ngày 13/4/2020 của UBND huyện về kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2019, Kế hoạch thực hiện năm 2020; Kế hoạch số 46/KH-UBND, ngày 16/4/2020 của UBND huyện về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2020.

Cấp xã: Kế hoạch số 01, 02/KH-BCĐNTM, ngày 20/02/2020 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG xã Ia Krêl; Kế hoạch số 09, 10/KH-BCĐNTM, ngày 06/02/2020 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG xã Ia Kriêng; Kế hoạch số 08/KH-UBND, ngày 14/01/2020 của UBND thị trấn Chư Ty; Kế hoạch số 61, 62/KH-BCĐNTM, ngày 27/02/2020 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG xã Ia Nan...v.v.

<sup>2</sup> Theo Kế hoạch số 13/KH-VPĐPNTM, ngày 10/02/2020 của Văn phòng Điều phối xây dựng NTM huyện. Kết quả: Đã làm việc được 08/10 xã, thị trấn. Sau đợt làm việc, đã triển khai nhiệm vụ tại Thông báo số 35/TB-VP, ngày 28/02/2020 của Văn phòng HĐND-UBND huyện; Thông báo số 02/TB-VPĐPNTM, ngày 30/3/2020 của Văn phòng Điều phối NTM huyện.

<sup>3</sup> Quyết định số 427/QĐ-UBND, ngày 18/3/2020 của UBND huyện về công nhận làng Krêl, xã Ia Krêl đạt chuẩn làng nông thôn mới trong ĐBDTTS năm 2019; Quyết định số 428/QĐ-UBND, ngày 18/3/2020 của UBND huyện về công nhận làng Mook Trêl, xã Ia Dom đạt chuẩn làng nông thôn mới trong ĐBDTTS năm 2019. Đến nay, 02 làng đã tổ chức Lễ công bố làng đạt chuẩn nông thôn mới.

<sup>4</sup> Theo Kế hoạch số 62/KH-UBND, ngày 19/5/2020 của UBND huyện về triển khai Chương trình OCOP năm 2020 trên địa bàn huyện

<sup>5</sup> Theo Quyết định số 312/QĐ-UBND, ngày 25/02/2020; Quyết định số 438/QĐ-UBND, ngày 19/3/2020; Quyết định số 494/QĐ-UBND, ngày 26/3/2020; Quyết định số 678/QĐ-UBND, ngày 20/4/2020; Quyết định số 702/QĐ-UBND, ngày 24/4/2020; Quyết định số 991/QĐ-UBND, ngày 19/6/2020 của UBND huyện.

- Triển khai rà soát, đánh giá thực trạng và đề xuất UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp-PTNT điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch thực hiện Đề án 1385 trên địa bàn huyện và đăng ký nguồn vốn thực hiện năm 2020<sup>(6)</sup>.

- Đánh giá kết quả thực hiện Dự án liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2018-2019 và đề xuất triển khai thực hiện Dự án năm 2020<sup>(7)</sup>.

Đồng thời, triển khai các nhiệm vụ theo yêu cầu của UBND tỉnh, Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh và các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, cụ thể: Xây dựng kế hoạch phát triển rau, hoa, quả tại các xã xây dựng nông thôn mới đến năm 2025<sup>(8)</sup>; tham gia góp ý Dự thảo Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025<sup>(9)</sup>; tổ chức rà soát đề nghị Binh đoàn 15 hỗ trợ xây dựng đường giao thông tại làng Ngo rộng đến làng Krêl, xã Ia Krêl<sup>(10)</sup>; tham mưu Huyện uỷ tổng kết 03 năm thực hiện Chương trình số 30-CTr/HU, ngày 10/4/2017 của Ban Thường vụ Huyện uỷ về thực hiện Nghị quyết Đại hội huyện lần thứ VI về xây dựng nông thôn mới đến năm 2020; tổng kết 05 năm thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020..v.v.

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

### 1. Kết quả thực hiện các nội dung theo Bộ tiêu chí:

- **Quy hoạch xây dựng nông thôn mới:** 09/9 xã đã điều chỉnh xong Đề án Quy hoạch chung xây dựng xã và được UBND huyện phê duyệt. Sau khi các quy hoạch được phê duyệt, các xã triển khai công bố, công khai đề án quy hoạch; lập quy hoạch chi tiết một số vị trí khu dân cư; việc lập các dự án đầu tư xây dựng, giao đất, thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất... tuân thủ theo quy hoạch đã được phê duyệt.

#### - **Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội:**

Tổng vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước phục vụ phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội trong 6 tháng đầu năm 2020: 52.601 tỷ đồng; đã thực hiện và đang làm thủ tục đầu tư các hạng mục, như sau:

+ Đổ nhựa, bê tông hơn 20,84 km; sửa chữa 4,12 km đường giao thông nông thôn, kinh phí: 39,433 tỷ đồng;

+ Sửa chữa tại 01 công trình thủy lợi; kinh phí: 450 triệu đồng;

+ Sửa chữa và xây dựng mới, nâng cấp tại 05 điểm công trình trường học, kinh phí: 8,770 tỷ đồng;

+ Hoàn thiện cơ sở hạ tầng 02 nhà văn hoá xã, sửa chữa 02 nhà văn hoá thôn, kinh phí: 3,948 tỷ đồng.

<sup>6</sup> Theo Báo cáo số 251/BC-UBND, ngày 11/5/2020; Báo cáo số 265/BC-UBND, ngày 18/5/2020; Báo cáo số 408/BC-UBND, ngày 09/6/2020 của UBND huyện.

<sup>7</sup> Theo Báo cáo số 167/BC-UBND, ngày 10/4/2020 của UBND huyện; Tờ trình số 41/TTr-UBND, ngày 10/4/2020 của UBND huyện (Đến nay, đã được UBND tỉnh phê duyệt danh mục Dự án liên kết sản xuất năm 2020 theo Quyết định số 253/QĐ-UBND, ngày 05/6/2020 của UBND tỉnh).

<sup>8</sup> Theo Kế hoạch số 66/KH-UBND, ngày 03/6/2020 của UBND huyện về phát triển sản xuất và tiêu thụ rau, hoa, quả tại các xã xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Đức Cơ đến năm 2020.

<sup>9</sup> Theo Văn bản số 422/UBND, ngày 13/3/2020; Văn bản số 746/UBND-KT, ngày 14/4/2020 của UBND huyện về việc tham gia góp ý Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

<sup>10</sup> Theo Văn bản số 725/UBND-KT, ngày 13/4/2020 của UBND huyện. Đến nay, đã được Binh đoàn 15 chấp thuận và đang triển khai thủ tục đầu tư thực hiện trong năm 2020, với tổng chiều dài hơn 2km.

*\* Trong 6 tháng đầu năm, đã huy động được 7,20 tỷ đồng từ nguồn vốn xã hội hoá để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, cụ thể:*

Giao Thông: 1,5 tỷ đồng, sửa chữa đường Ngo rông, xã Ia Krêl, chiều dài 2,4km (Bộ Tư lệnh Binh đoàn 15 hỗ trợ).

Trường học: 2,3 tỷ đồng; xây dựng 01 điểm Trường MN Sao Mai, tại xã Ia Krêl, kinh phí 2,0 tỷ đồng (do Chi nhánh Công ty 75 thực hiện) và sửa chữa 01 điểm Trường TH Cù Chính Lan và 01 giếng khoan nước tập trung tại thôn Đức Hưng, xã Ia Nan, kinh phí 500 triệu đồng (do Ban Văn hoá giáo hội Phật giáo thành phố Hồ Chí Minh hỗ trợ).

Nhà ở: 3,4 tỷ đồng; hỗ trợ nhân dân xây dựng nhà ở, xoá 68 nhà tạm dột nát, tập trung tại xã Ia Nan, Ia Krêl<sup>(1)</sup>.

**- Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân:**

+ Trong 6 tháng đầu năm 2020, triển khai các chương trình, dự án nhằm đưa các tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong các lĩnh vực nông nghiệp vào sản xuất như: Phối hợp với Công ty Nestle hỗ trợ gieo ươm cây giống cà phê cấp cho nhân dân trồng tái canh và cải tạo vườn cà phê năng suất thấp; tiếp tục thực hiện mô hình sản xuất lúa năng suất, chất lượng cao thuộc dự án hỗ trợ phát triển đất trồng lúa; xây dựng dự án Phục tráng giống lợn Brong Đức Cơ (lợn sóc) theo quy trình VietGAHP tạo ra sản phẩm OCOP; xây dựng vườn cây sinh thái đạt chuẩn VietGAP tạo ra sản phẩm OCOP về cây ăn quả trên địa bàn huyện từ nguồn vốn sự nghiệp nông nghiệp năm 2020..v.v. Hiện nay, các mô hình đang triển khai thực hiện.

+ Huyện có 07 Hợp tác xã và 03 tổ hợp tác; ngành nghề kinh doanh chủ yếu là sản xuất, chế biến cà phê, kinh doanh chợ, thu gom rác thải, trồng trọt, mua bán nông sản... Hiện tại, có 01 mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cà phê theo chuỗi giá trị. Năm 2020, đang triển khai 02 chuỗi liên kết sản xuất.

**- Giảm nghèo và an sinh xã hội:** Đã ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2020. Phân đầu đến cuối năm 2020, giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện từ 2,9% trở lên so với năm 2019, tương đương với 594 hộ thoát nghèo.

**- Phát triển giáo dục ở nông thôn:** Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, xoá mù chữ; thực hiện đổi mới phương pháp dạy và học; xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trường, lớp theo hướng kiên cố hóa.... nên chất lượng giáo dục ngày càng nâng lên. Đến nay, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN đạt 99,5%, huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 99,8%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học bậc trung học (phổ thông, bổ túc, dạy nghề) đạt 85%; 09/9 xã đạt chuẩn tiêu chí phổ cập giáo dục THCS mức độ 2.

<sup>11</sup> Cụ thể: Ngân hàng Viettinbank hỗ trợ: 50 nhà; Tập đoàn VinGroup hỗ trợ: 06 nhà; Công ty 72: 01 nhà; Chi nhánh Công ty 75: 01 nhà; Ngân hàng BIDV: 01 nhà; Mặt trận TQVN các cấp, Công an huyện, Khu kinh tế Cửa Khẩu Quốc tế Lệ Thanh đóng góp: 09 nhà; trung bình: 50 triệu/nhà.

**- Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn:** Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân luôn được các cấp, các ngành quan tâm xuyên suốt; mạng lưới y tế ngày càng được củng cố và hoàn thiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ y bác sỹ; đến nay, có 09/9 xã đạt tiêu chí Quốc gia về Y tế (đạt 100%). Ngành Y tế phối hợp với Bảo hiểm xã hội huyện và UBND các xã tuyên truyền, vận động người dân tham gia BHYT thực hiện bao phủ BHYT trên toàn huyện, qua đó giúp người dân hiểu sâu hơn về chế độ, chính sách BHYT; kết quả tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế toàn huyện 85,5%. Các chương trình Y tế Quốc gia trên địa bàn huyện được triển khai thực hiện đạt kết quả cao: tiêm chủng, phòng các loại dịch bệnh ở trẻ em dưới 6 tuổi hàng năm đạt trên 97%; các bệnh truyền nhiễm cơ bản ngăn chặn, không để lây lan.

**- Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn:** Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" thu hút mọi người dân tham gia. Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia nếp sống văn minh được phổ biến dưới nhiều hình thức. Đến nay, tỷ lệ hộ gia đình khu vực nông thôn toàn huyện đạt danh hiệu "Gia đình văn hóa" đạt 72%; có 45/65 thôn làng được công nhận danh hiệu thôn làng văn hóa, chiếm 75%.

**- Vệ sinh môi trường nông thôn, khắc phục, xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường:** Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các nội dung: Tuyên truyền, vận động, tạo điều kiện cho nhân dân vay vốn để chỉnh trang, cải tạo nguồn nước hợp vệ sinh, sử dụng nhà tiêu, nhà tắm, chăn nuôi hợp vệ sinh; triển khai thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, tổ chức phổ biến kiến thức cam kết đối với hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh đảm bảo an toàn thực phẩm, đến nay, tỷ lệ số dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 96%; các điểm nóng về môi trường và các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã được kiểm tra và xử lý kịp thời. Hệ thống cung cấp nước sạch nông thôn tiếp tục được tập trung đầu tư, có 04/9 xã (Ia Dom, Ia Krêl, Ia Kla, Ia Nan) đã có Tổ thu gom và xử lý rác tập trung.

**- Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới; cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân:**

+ Số cán bộ, công chức xã đạt chuẩn: 148/183 người (đạt 80,87%). Có 01 xã (Ia Dom) có tỷ lệ cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo quy định.

+ Đảng bộ, chính quyền đạt tiêu chuẩn "Trong sạch, vững mạnh": 03/9 xã (Ia Dom, Ia Krêl, Ia Din) đạt chuẩn.

+ Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể: Được tổ chức đầy đủ theo biên chế quy định, quá trình hoạt động luôn được củng cố đủ về số lượng, chất lượng hoạt động ngày càng tốt hơn. Có 09/9 xã đạt chuẩn loại khá trở lên.

+ Thực hiện và duy trì tốt công tác phổ biến, truyền thông để nâng cao nhận thức về nhiệm vụ xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; triển khai phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở, cải cách thủ tục hành chính, thực hiện phát huy dân chủ gắn với triển khai nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo

quốc phòng - an ninh trên địa bàn. Có 08/9 xã đạt nội dung tiêu chí xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (xã Ia Dok có cán bộ vi phạm pháp luật).

+ Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực gia đình và xã hội: 04/9 xã (Ia Dom, Ia Kriêng, Ia Kla, Ia Pnôn) có chuyên mục tuyên truyền về bình đẳng giới trên hệ thống đài truyền thanh của xã, có mô hình, địa chỉ tin cậy cho các nạn nhân bị bạo lực giới và bạo lực gia đình tại cộng đồng.

- **Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn:** Trong 6 tháng đầu năm, tình hình an ninh nông thôn, trật tự xã hội khu vực nông thôn cơ bản được giữ vững. Công tác đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm an toàn, an ninh, trật tự xã hội địa bàn nông thôn được duy trì. Công tác xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng dân quân “Vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu về quốc phòng. Tuy nhiên, trật tự an toàn xã hội còn diễn biến phức tạp, tai nạn giao thông cao hơn cùng kỳ năm trước, còn tệ nạn ma tuý, đánh bạc ở một số xã.

## **2. Kết quả thực hiện chỉ tiêu Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới:**

**2.1. Chỉ tiêu:** Phân đầu năm 2020, duy trì 01 xã Ia Dom đạt chuẩn nông thôn mới; Có 02 xã (Ia Krêl, Ia Nan) hoàn thành 19/19 tiêu chí; 06 xã còn lại (Ia Kriêng, Ia Kla, Ia Din, Ia Dok, Ia Lang, Ia Pnôn) đạt thêm từ 05 nội dung thành phần tiêu chí trở lên.

### **2.2. Kết quả thực hiện:**

Tính đến ngày 30/6/2020, có 01 xã Ia Dom đang duy trì xã đạt chuẩn nông thôn mới; tính chung toàn huyện, tổng số tiêu chí đạt được: 113 tiêu chí; bình quân số tiêu chí đạt: 12,6 tiêu chí/xã. Bộ tiêu chí chưa có thay đổi đáng kể so với cuối năm 2019, cụ thể:

- Ia Dom: Đạt 19/19 tiêu chí, 49/49 nội dung.
- Ia Krêl: Đạt 15/19 tiêu chí, 44/49 nội dung. Không thay đổi so với cuối năm 2019.
- Ia Kriêng: Đạt 11/19 tiêu chí, 34/49 nội dung. Tăng thêm 01 nội dung so với cuối năm 2019 (nội dung 2.3 thuộc tiêu chí 2).
- Ia Kla: Đạt 10/19 tiêu chí, 35/49 nội dung. Không thay đổi so với cuối năm 2019.
- Ia Din: Đạt 11/19 tiêu chí, 37/49 nội dung. Không thay đổi so với cuối năm 2019.
- Ia Dok: Đạt 09/19 tiêu chí, 30/49 nội dung. Không thay đổi so với cuối năm 2019.
- Ia Lang: Đạt 13/19 tiêu chí, 40/49 nội dung. Không thay đổi so với cuối năm 2019.
- Ia Nan: Đạt 14/19 tiêu chí, 41/49 nội dung. Tăng thêm 01 nội dung so với cuối năm 2019 (nội dung 17.4 thuộc tiêu chí 17).
- Ia Pnôn: Đạt 11/19 tiêu chí, 35/49 nội dung. Không thay đổi so với cuối năm 2019.

**(Có phụ biểu 02-9 đính kèm)**

### **3. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới:**

**3.1. Chỉ tiêu:** Phân đầu xây dựng 15 thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới (gồm: 07 làng dân tộc thiểu số và 08 thôn; trong đó: 02 làng đăng ký với Tỉnh đạt chuẩn làng nông thôn mới trong đồng bào DTTS). Cụ thể như sau:

**- 02 làng DTTS đăng ký với Tỉnh:**

+ Làng Gào, xã Ia Lang.

+ Làng Nêh, xã Ia Din.

**- 13 thôn, làng các xã, thị trấn đăng ký phân đầu thực hiện với Huyện:**

+ Làng Nuk, xã Ia Kriêng.

+ Làng Sung Le Tung, xã Ia Kla.

+ Làng Klũh Yêh, xã Ia Lang.

+ Làng Triêl, xã Ia Pnôn.

+ Làng Trol đeng, thị trấn Chư Ty.

+ Thôn Ia Mút, xã Ia Dom.

+ Thôn Ia Kăm, xã Ia Krêl.

+ Thôn Chư Bô I, xã Ia Kla.

+ Thôn Thống Nhất, xã Ia Din.

+ Thôn Ia Mang, xã Ia Dok.

+ Thôn Ia Nhú, Ia Boong, Đúc Hưng, xã Ia Nan.

**3.2. Kết quả thực hiện:**

Trong 15 thôn, làng phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020 (gồm: 07 làng dân tộc thiểu số và 08 thôn; trong đó: 02 làng đăng ký với Tỉnh đạt chuẩn làng nông thôn mới trong đồng bào DTTS), đạt từ 10 - 18 tiêu chí, cụ thể:

**- 02 làng DTTS đăng ký với Tỉnh:**

+ Làng Gào, xã Ia Lang: Đạt 14/19 tiêu chí, còn lại 05 tiêu chí chưa đạt (tiêu chí 2, 5, 6, 10, 11).

+ Làng Nêh, xã Ia Din: Đạt 15/19 tiêu chí; còn 04 tiêu chí chưa đạt (tiêu chí 9, 10, 17, 18).

**- 13 thôn, làng các xã, thị trấn đăng ký phân đầu thực hiện với Huyện:**

+ Làng Nuk, xã Ia Kriêng: Đạt 13/19 tiêu chí; còn 06 tiêu chí chưa đạt (tiêu chí 2, 9, 10, 11, 17, 18).

+ Làng Sung Le Tung, xã Ia Kla: Đạt 11/19 tiêu chí; tăng thêm 01 tiêu chí so với cuối năm 2019 (tiêu chí 7); còn 8 tiêu chí chưa đạt (tiêu chí 2, 9, 10, 11, 13, 16, 17, 18).

+ Làng Klũh Yêh, xã Ia Lang: Đạt 14/19 tiêu chí; còn 5 tiêu chí chưa đạt (tiêu chí 2, 5, 6, 10, 11).

+ Làng Triêl, xã Ia Pnôn: Đạt 11/19 tiêu chí; còn 8 tiêu chí chưa đạt (tiêu chí 2, 5, 9, 10, 11, 13, 17, 18).

+ Làng Trol đeng, thị trấn Chư Ty: Đạt 11/19 tiêu chí; còn 8 tiêu chí chưa đạt (tiêu chí 2, 9, 10, 13, 15, 16, 17, 18).

+ Thôn Ia Mút, xã Ia Dom: Đạt 17/19 tiêu chí, còn lại 02 tiêu chí chưa đạt (tiêu chí 9, 10).

+ Thôn Ia Kăm, xã Ia Krêl: Đạt 17/19 tiêu chí, còn lại 02 tiêu chí chưa đạt (tiêu chí 10, 13).

+ Thôn Chư Bô I, xã Ia Kla: Đạt 16/19 tiêu chí; còn lại 03 tiêu chí chưa đạt (tiêu chí 2, 9, 17).

+ Thôn Thống Nhất, xã Ia Din: Đạt 16/19 tiêu chí; còn lại 03 tiêu chí chưa đạt (tiêu chí 10, 13, 17).

+ Thôn Ia Mang, xã Ia Dok: Đạt 18/19 tiêu chí; còn lại 01 tiêu chí chưa đạt (tiêu chí 10).

+ Thôn Ia Nhú, xã Ia Nan: Đạt 15/19 tiêu chí, đạt thêm 01 tiêu chí so với cuối năm 2019 (tiêu chí 15); còn lại 04 tiêu chí chưa đạt (tiêu chí 9, 10, 16, 17).

+ Thôn Ia Boong, xã Ia Nan: 16/19 tiêu chí, đạt thêm 01 tiêu chí so với cuối năm 2019 (tiêu chí 2); còn lại 03 tiêu chí chưa đạt (tiêu chí 9, 10, 17).

+ Thôn Đức Hưng, xã Ia Nan: Đạt 16/19 tiêu chí, đạt thêm 02 tiêu chí so với cuối năm 2019 (tiêu chí 2, 15); còn lại 03 tiêu chí chưa đạt (tiêu chí 9, 10, 17).

#### **4. Kết quả huy động và thực hiện các nguồn vốn trực tiếp Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:**

Trong 6 tháng đầu năm 2020, toàn huyện huy động: 86.076 triệu đồng và hơn 1.120 lượt công lao động. Trong đó:

- Vốn trực tiếp từ Chương trình: 43.989 triệu đồng, chiếm 51,10%, trong đó:
  - + Vốn Dự phòng ngân sách Trung ương: 6.550 triệu đồng;
  - + Vốn đầu tư phát triển: 27.077 triệu đồng;
  - + Vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương: 9.596 triệu đồng;
  - + Vốn Xổ số kiến thiết: 716 triệu đồng.
  - + Vốn sự nghiệp ngân sách huyện: 50 triệu đồng.
- Vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án: 22.608 triệu đồng, chiếm 26,27%.
- Vốn tín dụng: 8.800 triệu đồng, chiếm 10,22%.
- Vốn doanh nghiệp: 9.176 triệu đồng và hơn 1.120 ngày công, chiếm 10,66%.
- Vốn nhân dân đóng góp: 1.503 triệu đồng; hiến đất 3.430 m<sup>2</sup>, để làm đường giao thông, làm bia tường niệm, lắp đặt điện đường chiếu sáng ở các xã Ia Dok, Ia Kla, Ia Dom..., chiếm 1,75%.

(Có Biểu số 01 đính kèm).

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG:**

#### **1. Mặt đạt được:**

Trong 6 tháng đầu năm các cấp ủy Đảng, chính quyền và các ngành, các cấp tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện xây dựng nông thôn mới, chú trọng huy động nguồn lực xã hội hoá để hỗ trợ để đầu tư xây dựng đường giao thông, trường học, xoá nhà tạm, dột nát...; các chương trình, dự án được lồng ghép để tập trung nguồn lực đầu tư thực hiện Chương trình. Các dự án cơ bản đã tạo sự chuyển biến thay đổi bộ mặt nông thôn, đặc biệt là từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng thương mại nông

thôn ở các xã, thôn, làng đăng ký hoàn thành xây dựng nông thôn mới trong năm 2020. Công tác kiểm tra sự phối hợp giữa các ngành có liên quan tiếp tục được duy trì.

## **2. Tồn tại, hạn chế:**

- Cấp xã là đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; nhưng một số địa phương còn chưa thực sự chú trọng thực hiện; việc kiểm tra giám sát ở một số nơi chưa được thường xuyên, nên chưa tiến độ thực hiện còn chậm. Công tác thông tin báo cáo một số địa phương chưa kịp thời, ảnh hưởng đến công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình.

- Một số ban, ngành là thành viên Ban Chỉ đạo huyện phụ trách tiêu chí và đơn vị được phân công giúp xã chưa thường xuyên phối hợp với các địa phương thực hiện nhiệm vụ giao; không thường xuyên đi cơ sở để hướng dẫn, giúp đỡ xã thực hiện nhiệm vụ.

- Tiến độ thực hiện và giải ngân các nguồn vốn đầu tư trực tiếp Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2020 còn chậm so với yêu cầu.

- Tiến độ thực hiện Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới; thôn làng đạt chuẩn nông thôn mới còn chậm. Bộ tiêu chí của xã, thôn, làng tăng không đáng kể so với cuối năm 2019.

- Đối với nhiệm vụ xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020:

**Xã Ia Krêl:** Trường TH Trần Quốc Tuấn đã bố trí nguồn vốn để hoàn thiện cơ sở vật chất Trường học đạt chuẩn theo quy định nhưng chưa có mặt bằng thi công; Trường TH Đinh Núp chưa bố trí được nguồn vốn đầu tư (**tiêu chí số 5**); các doanh nghiệp có cam kết hỗ trợ xây dựng nhà ở, nhưng đến nay, mới chỉ có 06 nhà đang xây dựng, còn lại 02 nhà chưa khởi công (**tiêu chí số 9**); do ảnh hưởng của dịch Covid-19, tình hình thiên tai, dịch bệnh và giá cả nông sản thấp, nên việc cân đối, tính toán xã Ia Krêl đạt chuẩn tiêu chuẩn thu nhập năm 2020 (trên 41 triệu đồng) gặp rất nhiều khó khăn (**tiêu chí 10**); một số cán bộ, công chức vẫn chưa đạt chuẩn theo quy định (**tiêu chí số 18**).

**Xã Ia Nan:** Còn 11 nhà tạm, dột nát; các doanh nghiệp có cam kết hỗ trợ xây dựng nhà ở, nhưng đến nay, mới chỉ có 09/11 nhà ở có đơn vị hỗ trợ; trong đó: 02 nhà đã xây dựng xong; 07 nhà chưa khởi công; còn 02 nhà tạm dột nát chưa huy động được nguồn lực đầu tư (**tiêu chí số 9**); do ảnh hưởng của dịch Covid-19, tình hình thiên tai, dịch bệnh và giá cả nông sản thấp, nên việc cân đối, tính toán xã Ia Nan đạt chuẩn tiêu chuẩn thu nhập năm 2020 (trên 41 triệu đồng) gặp rất nhiều khó khăn (**tiêu chí 10**); một số cán bộ, công chức vẫn chưa đạt chuẩn theo quy định (**tiêu chí số 18**).

- Đối với nhiệm vụ thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020: 02 làng đăng ký với Tỉnh (**làng Nêh và làng Gào**): Do giá cả nông sản xuất thấp, tình hình thiên tai, dịch bệnh phức tạp; do đó, việc tính toán, cân đối để các làng đạt tiêu chí thu nhập (theo quy định trên 41 triệu đồng/người) gặp nhiều khó khăn. Đối với **làng Gào**: Một số công trình giao thông, trường học, nhà văn hoá vẫn chưa có nguồn vốn đầu tư (**tiêu chí 2, 5, 6**); làng vẫn còn nhà tạm dột nát (**tiêu chí 9**). Ngoài ra, 13 thôn, làng còn lại cũng gặp những khó khăn tương tự.



## Phần thứ hai

### NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2020

#### I. Nhiệm vụ trọng tâm:

- Thường xuyên đôn đốc các cơ quan phụ trách tiêu chí, UBND xã triển khai thực hiện tốt kế hoạch năm 2020; các cơ quan Thành viên BCĐ phụ trách xã tăng cường bám sát cơ sở ít nhất 1 lần/tuần để hướng dẫn, triển khai nhiệm vụ, tháo gỡ khó khăn vướng mắc và đề xuất giải pháp lên UBND huyện (nếu có); Ban Chỉ đạo, Ban quản lý xã chủ động đề xuất, triển khai để thực hiện giải pháp xây dựng NTM theo lộ trình, kế hoạch đề ra.

- Ban chỉ đạo tham mưu UBND huyện tổ chức đánh giá xã đạt chuẩn NTM, thôn, làng đạt chuẩn NTM; thực hiện tốt chế độ khen thưởng nhằm khích lệ, động viên kịp thời các xã, thôn làng có thành tích nổi bật trong xây dựng nông thôn mới.

- Chỉ đạo các cơ quan thành viên Ban Chỉ đạo và UBND xã Ia Dom, Ia Nan, Ia Krêl tập trung hoàn thành các tiêu chí còn lại để phấn đấu đạt chuẩn năm 2020 và chuẩn bị hồ sơ, thủ tục công nhận đạt chuẩn xã nông thôn mới.

- Tập trung triển khai thực hiện Đề án 1385 tại xã Ia Nan, Ia Pnôn (theo Kế hoạch số 2761/KH-UBND, ngày 04/12/2019 và Quyết định số 282/QĐ-UBND, ngày 26/6/2020 của UBND tỉnh; Kế hoạch số 118/KH-UBND, ngày 30/10/2019 của UBND huyện).

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân các nguồn vốn đầu tư trực tiếp Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2020 (đặc biệt vốn ngân sách Trung ương bổ sung thực hiện Đề án 1385 (đợt 2) mới được phân bổ và vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình).

- Triển khai thực hiện Đề án Chương trình mỗi xã một phẩm trên địa bàn huyện giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030 (theo Quyết định số 34/QĐ-UBND, ngày 23/01/2019 của UBND tỉnh).

- Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện chương trình năm 2020 nhằm rút kinh nghiệm và xây dựng Đề án thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 cấp huyện, cấp xã (theo Bộ tiêu chí mới giai đoạn 2021-2025).

#### II. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện cụ thể:

Các đơn vị, địa phương rà soát và khẩn trương thực hiện các nhiệm vụ giao theo các văn bản đã ban hành: Kế hoạch số 46/KH-UBND, ngày 16/4/2020 của UBND huyện về xây dựng NTM năm 2020; Thông báo số 35/TB-VP, ngày 28/02/2020 của Văn phòng HĐND-UBND huyện; Thông báo số 02/TB-VPĐPNTM, ngày 30/3/2020 của Văn phòng Điều phối NTM huyện... đồng thời, tập trung triển khai các nội dung sau:

##### 1. Đối với 03 xã Ia Dom, Ia Krêl, Ia Nan:

- Duy trì và nâng cao các tiêu chí đã được công nhận đạt chuẩn, không để tụt hạng tiêu chí.

- Tập trung nhiệm vụ để hoàn thiện các tiêu chí chưa đạt (Xã Ia Krêl: 04 tiêu chí: 5, 9, 10, 18; xã Ia Nan: 05 tiêu chí: 05, 9, 10, 17, 18).

- Khẩn trương rà soát và xử lý dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tại địa phương (*tiêu chí xác định nợ đọng cơ bản căn cứ vào Công văn số 2110/SKHĐT-KTN, ngày 16/11/2017 của Sở Kế hoạch-ĐT*), đảm bảo đủ điều kiện được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Chuẩn bị hồ sơ công nhận đạt chuẩn các tiêu chí, nội dung tiêu chí nông thôn mới đã đạt chuẩn và thực hiện đầy đủ quy trình xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới theo Quyết định số 2540/QĐ-TTg, ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, địa phương hoàn thành nhiệm vụ nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

## **2. Đối với 06 xã (Ia Kriêng, Ia Kla, Ia Din, Ia Đơk, Ia Lang, Ia Pnôn):**

- Tập trung nhiệm vụ để hoàn thiện các nội dung, tiêu chí đăng ký thực hiện năm 2020, phấn đấu mỗi xã đạt thêm từ 05 nội dung thành phần tiêu chí trở lên.

- Duy trì và nâng cao các tiêu chí đã được công nhận đạt chuẩn, không để tụt hạng tiêu chí.

## **3. Đối với chỉ tiêu thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới (15 thôn, làng):**

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các nội dung còn thiếu.

- Chuẩn bị hồ sơ công nhận thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định tại Quyết định số 183/QĐ-UBND, ngày 17/4/2019 của UBND tỉnh Gia Lai về V/v ban hành Quy định Bộ tiêu chí thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới; Quy trình xét công nhận, công bố thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2019-2020.

## **4. Đối với các ban, ngành là thành viên Ban chỉ đạo Chương trình MTQG huyện (theo Quyết định số 541/QĐ-UBND, ngày 20/3/2019 của UBND huyện):**

- Căn cứ vào nội dung, nhiệm vụ các xã được giao năm 2020 và lộ trình xã, thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020 trên địa bàn huyện; theo lĩnh vực ngành quản lý và nhiệm vụ phân công giúp xã (*theo Quyết định số 92/QĐ-BCĐCTMTQG, ngày 27/5/2019 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG huyện*), tập trung triển khai các nội dung sau:

+ Phòng Tài Chính-KH: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị tham mưu UBND huyện phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương bổ sung thực hiện Đề án 1385; vốn sự nghiệp đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; theo dõi, kiểm tra các đơn vị được phân bổ vốn đẩy nhanh tiến độ thực hiện và thanh, quyết toán nguồn vốn đúng quy định.

+ Phòng Kinh tế và Hạ tầng: Chủ trì theo dõi, tham mưu UBND huyện tập trung các nguồn lực huy động xã hội hoá để xoá nhà tạm dột nát theo kế hoạch giao xã, thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2020; thường xuyên kiểm tra, đánh giá thực trạng và hướng dẫn các xã, nhân dân thực hiện và duy trì, nâng cao các tiêu chí đã đạt và chưa đạt, như: Công bố Quy hoạch, cắm mốc quy hoạch, xây dựng quy chế quản lý quy hoạch; quy chế quản lý nghĩa trang.

+ Phòng Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị tham mưu UBND huyện đề xuất huy động, bố trí nguồn vốn đầu tư tại Trường TH Đinh Núp; hướng dẫn thẩm tra, đề xuất công nhận các Trường (Trường TH Cù Chính Lan,

Trường MN Hoa Cúc, Trường TH Đinh Núp, Trường TH Trần Quốc Tuấn...) đạt chuẩn cơ sở vật chất trường học theo quy định.

+ Phòng Lao động-TB&XH: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị triển khai xây dựng nhà ở (từ nguồn hỗ trợ ngân hàng Vietinbank) đảm bảo phù hợp với nhu cầu thực tế tại địa phương và tập trung vào các xã, thôn, làng đạt chuẩn năm 2020; đẩy mạnh các giải pháp để giảm tỷ lệ hộ nghèo, hạn chế tình trạng trông chờ ỷ lại từ các chính sách của nhà nước. Lòng ghép các Chương trình, dự án giảm nghèo phải bám sát vào nội dung, hạng mục tiêu chí theo lộ trình xã nông thôn mới; thôn, làng đăng ký đạt chuẩn năm 2020 để triển khai thực hiện.

+ Chi cục Thống kê huyện: Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan hướng dẫn, kiểm tra, hỗ trợ các xã thống kê, rà soát và thẩm định kết quả rà soát tiêu chí thu nhập bình quân đầu người trình UBND huyện quyết định công nhận xã đạt tiêu chí 10-Thu nhập năm 2020.

+ Phòng Y tế: Hướng dẫn các xã rà soát, lập danh sách, tập huấn kiến thức và triển khai ký cam kết hoặc cấp giấy chứng nhận đối với các cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành Y tế chưa đạt chuẩn (Chỉ tiêu 17.8).

+ Phòng Tài nguyên-MT: Chủ trì, phối hợp các đơn vị khẩn trương điều chỉnh quy hoạch, bố trí quỹ đất để xây dựng Trường TH Trần Quốc Tuấn trong năm 2020; phối hợp với các xã sử dụng các nguồn vốn để triển khai xây dựng, lắp đặt các bể chứa thu gom vỏ, bao bì thuốc bảo vệ thực vật.

+ Phòng Nội vụ: Chủ trì, tham mưu UBND huyện rà soát, đánh giá, sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức đúng vị trí, có kế hoạch đào tạo đảm bảo đạt chuẩn theo quy định. Trong đó, tập trung tạo điều kiện cho các đồng chí ở xã tham gia các lớp bồi dưỡng kiến thức; nghỉ việc để hưởng chế độ...

+ Phòng Dân tộc: Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tham mưu UBND huyện, Ban chỉ đạo huyện tổ chức lồng ghép các dự án thuộc Chương trình 135 và các chính sách hỗ trợ khác để tập trung nguồn lực vào các nội dung, hạng mục tiêu chí theo lộ trình, kế hoạch xây dựng xã nông thôn mới; thôn, làng đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020; phối hợp với Chi cục Thống kê, Phòng Lao động-TB&XH tổ chức rà soát, xác định mức thu nhập bình quân đầu người, số hộ nghèo.... trong đồng bào DTTS.

+ Phòng Nông nghiệp-PTNT (Cơ quan thường trực): Thường xuyên theo dõi, báo cáo UBND huyện, Ban Chỉ đạo huyện tình hình triển khai thực hiện các tiêu chí chưa đạt; duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt đối với các xã; thành viên Ban Chỉ đạo, Văn phòng Điều phối huyện. Theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình định kỳ hàng tháng, quý, kết quả giúp xã của các đơn vị được phân công theo Quy chế... báo cáo UBND huyện, Ban Chỉ đạo huyện theo dõi, chỉ đạo.

+ Các ban, ngành là thành viên Ban Chỉ đạo huyện: Theo lĩnh vực ngành phụ trách phối hợp với các xã, thị trấn để hướng dẫn, kiểm tra, thẩm định lại các tiêu chí đạt, chưa đạt; đề xuất các nội dung, tiêu chí cần đạt 6 tháng cuối năm 2020, đưa ra các giải pháp thực hiện. Báo cáo, đề xuất UBND huyện, Ban chỉ đạo huyện giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các tiêu chí được phân công theo Quy chế. Kiểm tra, đánh giá thực trạng và hướng dẫn các xã, nhân dân

thực hiện và duy trì, nâng cao các tiêu chí đã đạt và chưa đạt. Phối hợp cùng các xã để bổ sung hồ sơ, hoàn thiện tài liệu kiểm chứng các tiêu chí đạt chuẩn. Tiếp tục tập trung thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 ở người; dịch bệnh, hạn hán ở cây trồng, vật nuôi; đẩy mạnh tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, chế biến; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng nâng cao giá trị; đào tạo nghề; xuất khẩu lao động, tìm kiếm việc làm tại Công ty, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh...

**5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận TQVN và các Hội, đoàn thể huyện:**

- Tiếp tục đẩy mạnh phối hợp các ban, ngành chuyên môn trên địa bàn, triển khai xây dựng và thực hiện các chương trình hành động, hoạt động cụ thể nhằm tuyên truyền, vận động cán bộ, nhân dân đóng góp, xây dựng, hỗ trợ xóa nhà tạm dột nát; đầu tư trang thiết bị cho nhà rộng, hội trường thôn; vận động nhân dân tích cực phát triển sản xuất nâng cao thu nhập; tổ chức dọn vệ sinh đường làng, ngõ xóm trong khu dân cư... Phối hợp cung cấp thông tin cho Ban chỉ đạo huyện để tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn định kỳ, đột xuất theo đề nghị của UBND huyện, Ban chỉ đạo huyện.

**6. Đề nghị các đơn vị lực lượng vũ trang đứng chân trên địa bàn huyện:**

Tiếp tục phối hợp với UBND huyện, Ban chỉ đạo huyện thực hiện các nhiệm vụ trong xây dựng NTM theo Kế hoạch số 1335/KH-UBND, ngày 14/6/2019 của UBND tỉnh Gia Lai; Quy chế phối hợp số 69/QCPH-BTL-UBND, ngày 16/02/2017 giữa Bộ Tư lệnh Binh đoàn 15 và UBND huyện Đức Cơ và Quy chế phối hợp với các xã. Phân công các đội sản xuất hoặc thành lập các tổ, đội công tác để giúp xã đứng chân trên địa bàn hoàn thành các tiêu chí hoặc nội dung thành phần của Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới theo lộ trình đạt chuẩn nông thôn mới của các xã trên địa bàn huyện. Phối hợp tốt chế độ thông tin báo cáo và hội nghị để triển khai kịp thời các nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 6 tháng đầu năm 2020 trên địa bàn huyện Đức Cơ.

**Nơi nhận:**

- Sở Nông nghiệp-PTNT;
- VPĐP XDNTM tỉnh;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- TV BCĐ các CTMTQG huyện;
- Các đơn vị lực lượng vũ trang đứng chân trên địa bàn huyện (ph/hợp);
- UBND các xã, TT;
- Lưu: VT-VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trịnh Văn Thành**

## Biểu số 01:

**KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NTM TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020**(Kèm theo Báo cáo số: 506/BC-UBND, ngày 30 / 7 /2020 của UBND huyện Đức Cơ)

STT	Nội dung chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Kết quả huy động 6 tháng đầu năm 2020	Kết quả giải ngân đến 30/6/2020	Ghi chú
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>86.076,0</b>	<b>86.076,0</b>	<b>43.349,8</b>	
<b>I</b>	<b>Vốn trực tiếp</b>	<b>43.989,0</b>	<b>43.989,0</b>	<b>13.827,8</b>	
-	Ngân sách Trung ương	43.223,0	43.223,0	13.255,0	
	Vốn dự phòng NSTW hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM (theo Quyết định số 439/QĐ-UBND, ngày 29/7/2019 của UBND tỉnh) thực hiện Đề án 1385	6.550,0	6.550,0	-	
	Vốn đầu tư hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM (theo Quyết định số 675/QĐ-UBND, ngày 13/12/2019 của UBND tỉnh)	27.077,0	27.077,0	13.255,0	
	Vốn sự nghiệp (theo Quyết định số 84/QĐ-UBND, ngày 03/3/2020 của UBND tỉnh)	9.596,0	9.596,0	-	
-	Ngân sách tỉnh	716,0	716,0	572,8	
	Vốn xổ số kiến thiết thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	716,0	716,0	572,8	
-	Ngân sách huyện	50,0	50,0	-	
	Vốn sự nghiệp huyện hỗ trợ Ban chi đạo, Văn phòng Điều phối cấp huyện	50,0	50,0	-	
<b>II</b>	<b>Vốn lồng ghép</b>	<b>22.608,0</b>	<b>22.608,0</b>	<b>10.043,0</b>	
-	Chương trình phát triển kinh tế xã hội các xã biên giới (thuộc Vốn cân đối ngân sách tỉnh)	4.670,0	4.670,0	4.500,0	
-	Vốn đối ứng Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (thuộc vốn cân đối NS địa phương)	670,0	670,0	-	
-	Vốn Xổ số kiến thiết (thuộc Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương)	2.640,0	2.640,0	600,0	
-	Vốn CĐNS tỉnh phân cấp cho huyện QĐ đầu tư	1.380,0	1.380,0	1.380,0	
-	Vốn XD CB Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	6.696,0	6.696,0	2.968,0	
-	Vốn sự nghiệp Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	3.119,0	3.119,0	-	
-	Vốn Sự nghiệp huyện năm 2020 (Nông nghiệp, thủy lợi, khuyến nông, khoa học công nghệ)	1.900,0	1.900,0	-	
-	Tiền sử dụng đất giao lại các xã QĐ đầu tư	1.533,0	1.533,0	595,0	
<b>III</b>	<b>Tín dụng</b>	<b>8.800,0</b>	<b>8.800,0</b>	<b>8.800,0</b>	



IV	Doanh nghiệp	9.176,0	9.176,0	9.176,0	
-	Kinh phí hỗ trợ từ đơn vị quân đội, doanh nghiệp: 9176 triệu đồng.				
-	Công lao động hơn: 1.120 công lao động.				
IV	Nhân dân đóng góp (tiền mặt)	1.503,0	1.503,0	1.503,0	
-	Hiến đất: 3.430 m <sup>2</sup> đất làm đường giao thông (tại làng Yít Rông 2, làng Ai-Gôn, Yít Tú, Thống Nhất, Đồng Tâm 1, xã Ia Din. Làng Chan, xã Ia Pnôn....).				
-	Đóng góp tiền mặt: Làm đường giao thông, chỉnh trang nhà văn hoá thôn... (1.503 triệu đồng)				

**Ghi chú:** - Kế hoạch năm 2020 trên cơ sở nguồn vốn được giao trong năm 2020 đến thời điểm báo cáo (không tính nguồn vốn thanh toán nợ cho năm trước).

- (III) Nguồn vốn lồng ghép bao gồm: Nguồn vốn Chương trình MTQG GNBV; Xổ số kiến thiết; Vốn CĐNS tỉnh phân cấp cho huyện QĐ đầu tư; nguồn tiền SDD; vốn hỗ trợ có mục tiêu.

- (IV) Nguồn vốn tín dụng: Chủ yếu là vốn tổ chức, cá nhân và nhân dân vay vốn ngân hàng chính sách, thương mại để PTSX, chỉnh trang nhà ở, VSMT...

- (V) Nguồn vốn doanh nghiệp: Chủ yếu là hỗ trợ của các lực lượng vũ trang đứng chân trên địa bàn.

- (VI) Nguồn vốn nhân dân đóng góp: Chủ yếu là nhân dân hỗ trợ làm đường giao thông, vệ sinh đường làng ngõ xóm (Không tính nguồn vốn nhân dân tự xây dựng nhà ở, đầu tư phát triển sản xuất....)









**Biểu số 3: TỔNG HỢP THỰC TRẠNG 49 CHỈ TIÊU NÔNG THÔN MỚI NĂM 2020**  
(Kèm theo Báo cáo số: 506/BC-UBND, ngày 30/7/2020 của UBND huyện Đức Cơ)

Số liệu tổng hợp đến ngày: 30/6/2020

**I. QUY HOẠCH**

Stt	Huyện, thị xã, thành phố		1. Quy hoạch				Đánh giá chung
	Quy định đạt chuẩn theo QĐ số 250/QĐ-UBND của UBND tỉnh	Đạt	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn.		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.		
			Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	
I	Huyện Đức Cơ		Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	
1	Xã Ia Dom	Có Quy hoạch xây dựng nông thôn mới; đã hoàn thành điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch chung xây dựng xã	Đạt	Có Quy chế quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới	Đạt	Đạt	Đạt
2	Xã Ia Krêl	Có Quy hoạch xây dựng nông thôn mới; đã hoàn thành điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch chung xây dựng xã	Đạt	Có Quy chế quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới	Đạt	Đạt	Đạt
3	Xã Ia Kriêng	Có Quy hoạch xây dựng nông thôn mới; đã hoàn thành điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch chung xây dựng xã	Đạt	Có Quy chế quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới	Đạt	Đạt	Đạt
4	Xã Ia Kla	Có Quy hoạch xây dựng nông thôn mới; đã hoàn thành điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch chung xây dựng xã	Đạt	Có Quy chế quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới	Đạt	Đạt	Đạt
5	Xã Ia Din	Có Quy hoạch xây dựng nông thôn mới; đã hoàn thành điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch chung xây dựng xã	Đạt	Có Quy chế quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới	Đạt	Đạt	Đạt
6	Xã Ia Dok	Có Quy hoạch xây dựng nông thôn mới; đã hoàn thành điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch chung xây dựng xã	Đạt	Có Quy chế quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới	Đạt	Đạt	Đạt
7	Xã Ia Lang	Có Quy hoạch xây dựng nông thôn mới; đã hoàn thành điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch chung xây dựng xã	Đạt	Có Quy chế quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới	Đạt	Đạt	Đạt

1. Quy hoạch				
Stt	Huyện, thị xã, thành phố Quy định đạt chuẩn theo QĐ số 250/QĐ-UBND của UBND tỉnh	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn.		Đánh giá chung
		Hiện trạng	Đánh giá	
	Tổng hợp	Đạt	Đạt	
8	Xã Ia Nan	Có Quy hoạch xây dựng nông thôn mới; đã hoàn thành điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch chung xây dựng xã	Đạt	Đạt
9	Xã Ia Prôn	Có Quy hoạch xây dựng nông thôn mới; đã hoàn thành điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch chung xây dựng xã	Đạt	Đạt
Tổng số xã đạt		09/9 xã		
Vướng mắc, đề xuất, kiến nghị		Không		



Stt	Huyện, thị xã, thành phố	2. Giao thông										3. Thủy lợi				4. Điện				5. Trường học		Đánh giá chung	
		2.1. Đường cấp 4 và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hoặc bê tông hoa, đảm bảo 0 to đi lại thuận tiện quanh năm.		2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo thông suốt quanh năm.		2.3. Đường ngõ xóm sạch và lấy lợi vào mùa mưa.		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.		3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên.		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện cấp ứng viên chủ đầu tư và học bổng định kỳ hàng tháng tại tại chỗ.		4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn.		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.		5.1. Trường học					
		Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá						
6	Xã Ia Dak	Đã nhựa hóa hoặc bê tông hoa: 44.1/44,1km (100%)	Đạt	Số km đã được cứng hóa: 5,8/9,4km (61,2%)	Chưa đạt	Đạt 100%, trong đó tỷ lệ cứng hóa ≥90%	Tỷ lệ cứng hóa ≥70%	Số km được cứng hóa: 5,8/12,6km (46%)	Chưa đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Số trường đạt chuẩn: 1/4 trường (25%)	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	Đánh giá chung	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt		
7	Xã Ia Lang	8,9/8,9km (100%)	Đạt	Số km đã được cứng hóa: 6,88/3,3km (81,9%)	Đạt	Đạt 100%, trong đó tỷ lệ cứng hóa ≥90%	Tỷ lệ cứng hóa ≥70%	Số km được cứng hóa: 2/10,5km (19%)	Chưa đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Số trường đạt chuẩn: 0/3 trường (0%)	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	Đánh giá chung	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt		
8	Xã Ia Nan	17,8/17,8km (100%)	Đạt	Số km đã được cứng hóa: 7,27/2,2km (100%)	Đạt	Đạt 100%, trong đó tỷ lệ cứng hóa ≥90%	Tỷ lệ cứng hóa ≥70%	Số km được cứng hóa: 0,7/0,7km (100%)	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Số trường đạt chuẩn: 1/4 trường (25%)	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	Đánh giá chung	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt		
9	Xã Ia Pnôn	13,3/24,2km (55%)	Chưa đạt	Số km đã được cứng hóa: 1,3/1,5km (100%)	Đạt	Đạt 100%, trong đó tỷ lệ cứng hóa ≥90%	Tỷ lệ cứng hóa ≥70%	Số km được cứng hóa: 7,5/2,3km (36%)	Chưa đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Số trường đạt chuẩn: 0/3 trường (0%)	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	Đánh giá chung	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt		
Tổng số xã đạt		04/9 xã										09/9 xã				01/9 xã đạt							
Ước tính, để xuất, kiến nghị		Không										Không				Không							

\*Kho khăn, vướng mắc: Nhu cầu đầu tư xây dựng rất lớn, nhưng nguồn lực đầu tư của nhà nước còn ít, việc huy động các nguồn lực xã hội (doanh nghiệp, nhân dân) để xây dựng nông thôn mới còn hạn chế.  
 \* Đề nghị UBND tỉnh quan tâm tiếp tục tăng cường nguồn vốn đầu tư cho huyện Đăc Cơ theo lộ trình hàng năm để địa phương thực hiện đạt chuẩn Bộ tiêu chí theo kế hoạch đề ra.



Stt	6. Cơ sở vật chất văn hóa				7. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn				8. Thông tin và Truyền thông				9. Nhà ở dân cư		Đánh giá chung		
	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá		Hiện trạng	Đánh giá
Huyện, thị xã, thành phố	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã.	Đạt	Đạt	100%	Đánh giá chung	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
Quy định đạt chuẩn theo Quyết định 250/QĐ-UBND của UBND tỉnh	6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.	Đạt	Đạt	100%	Đánh giá chung	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
	6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng.	Đạt	Đạt	100%	Đánh giá chung	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
Tổng hợp	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	
7	Xã Ia Lang	Chưa có nhà văn hóa	Chưa đạt	Chưa có nhà văn hóa và sân thể thao	Chưa đạt	Đạt	05/5 thôn làng có nhà VH và sân thể thao	Đạt	Có 05/5 thôn có đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ internet hoặc viễn thông	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không có	Đạt	
8	Xã Ia Nan	Có nhà văn hóa và khu thể thao	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	09/9 thôn làng có nhà VH và sân thể thao	Đạt	Có 09/9 thôn có đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ internet hoặc viễn thông	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa có	Không có	Đạt	
9	Xã Ia Phôn	Có nhà văn hóa	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	04/4 thôn, làng có nhà văn và sân thể thao	Đạt	Có 4/4 thôn có đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ internet hoặc viễn thông	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa có	Chưa có	Chưa đạt	
Tổng số xã đạt																	02/9 xã đạt
Ước tính, để nuôi, kiến nghị																	
<p>* Khi khám, vướng mắc: Yêu cầu nhà văn hóa xã phải có 04 phòng chức năng (trợ lý phòng hành chính, đọc sách, báo, thư viện, thông tin truyền thông, câu lạc bộ hoặc tập các môn thể thao đơn giản); có Ban chủ nhiệm (giảm). Chủ nhiệm, Phó chủ nhiệm, công tác viên phải có trình độ đạt chuẩn theo quy định và đảm bảo kinh phí hoạt động. Yêu cầu thành lập nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn, làng phải có Ban chủ nhiệm (Chủ nhiệm, các công tác viên đi qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ) và đảm bảo kinh phí hoạt động... để thành lập Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn, làng theo quy định trên rồi báo thực hiện.</p> <p>* Để nghị: Văn phòng Điện phổ xã sử dụng NTM trình xem xét, để xuất điều chỉnh giám số phòng chức năng của nhà văn hóa xã từ 04 phòng xuống còn 02 phòng để bảo đảm điều kiện thực tế xây dựng và sử dụng có hiệu quả; đổi mặt quan lý nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, làng (Trường thôn, trường, làng, công tác viên) không nhất thiết phải qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ.</p>																	

\* Khi khám, vướng mắc: Quy định về nhà tạm, đất đai là nhà ở không đảm bảo yêu cầu 3 cứng - nền cứng, khung cứng, mái cứng. Theo đó, "khung cứng" bao gồm hệ thống khung, cột, tường kê có móng đổ được làm từ các loại vật liệu, bê tông cốt thép, sắt thép, gỗ bê tông, tường xây gạch, đá hoặc từ gỗ bê tông, móng làm từ bê tông cốt thép hoặc xây gạch, đá. Tuy nhiên, trên địa bàn huyện còn 840 nhà, phần khung nhà chưa được kiến có bằng các vật liệu nêu trên, mà chủ yếu được dựng bằng tôn, theo quy định thì chưa đảm bảo nhà ở bền kiến cơ, nhà đạt chuẩn theo quy định của Bộ xây dựng. Do đó, để các xã đạt chuẩn tiêu chí này cần gặp nhiều khó khăn.

\* Để nghị bộ sung quy định về nhà ở bền kiến cơ (không phải nhà ở đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng và không phải nhà tạm, đất mới) để địa phương thuận tiện hơn trong công tác đánh giá tiêu chí.

\* Khi khám, vướng mắc: Quy định về nhà tạm, đất đai là nhà ở không đảm bảo yêu cầu 3 cứng - nền cứng, khung cứng, mái cứng. Theo đó, "khung cứng" bao gồm hệ thống khung, cột, tường kê có móng đổ được làm từ các loại vật liệu, bê tông cốt thép, sắt thép, gỗ bê tông, tường xây gạch, đá hoặc từ gỗ bê tông, móng làm từ bê tông cốt thép hoặc xây gạch, đá. Tuy nhiên, trên địa bàn huyện còn 840 nhà, phần khung nhà chưa được kiến có bằng các vật liệu nêu trên, mà chủ yếu được dựng bằng tôn, theo quy định thì chưa đảm bảo nhà ở bền kiến cơ, nhà đạt chuẩn theo quy định của Bộ xây dựng. Do đó, để các xã đạt chuẩn tiêu chí này cần gặp nhiều khó khăn.

\* Để nghị bộ sung quy định về nhà ở bền kiến cơ (không phải nhà ở đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng và không phải nhà tạm, đất mới) để địa phương thuận tiện hơn trong công tác đánh giá tiêu chí.

\* Khi khám, vướng mắc: Yêu cầu nhà văn hóa xã phải có 04 phòng chức năng (trợ lý phòng hành chính, đọc sách, báo, thư viện, thông tin truyền thông, câu lạc bộ hoặc tập các môn thể thao đơn giản); có Ban chủ nhiệm (giảm). Chủ nhiệm, Phó chủ nhiệm, công tác viên phải có trình độ đạt chuẩn theo quy định và đảm bảo kinh phí hoạt động. Yêu cầu thành lập nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn, làng phải có Ban chủ nhiệm (Chủ nhiệm, các công tác viên đi qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ) và đảm bảo kinh phí hoạt động... để thành lập Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn, làng theo quy định trên rồi báo thực hiện.

\* Để nghị: Văn phòng Điện phổ xã sử dụng NTM trình xem xét, để xuất điều chỉnh giám số phòng chức năng của nhà văn hóa xã từ 04 phòng xuống còn 02 phòng để bảo đảm điều kiện thực tế xây dựng và sử dụng có hiệu quả; đổi mặt quan lý nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, làng (Trường thôn, trường, làng, công tác viên) không nhất thiết phải qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ.

Biểu số 6: TÓNG HỢP THỰC TRẠNG 49 CHỈ TIÊU NÔNG THÔN MỚI NĂM 2020  
(Kèm theo Báo cáo số: 56/BC-UBND, ngày 30 / 7 /2020 của UBND huyện Đức Cơ)

Số liệu tổng hợp đến ngày: 30/6/2020

III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT

Stt	Huyện, Thị xã, Thành phố	10. Thu nhập		11. Hộ nghèo		12. Lao động có việc làm		13. Tổ chức sản xuất		Đánh giá chung		
		Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn (triệu đồng/người/năm).		Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020.		Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động.		13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012.			13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững.	
		Đạt hoặc Chưa đạt	Đánh giá chung	Hiện trạng	Đánh giá chung	Hiện trạng	Đánh giá chung	Hiện trạng	Đánh giá chung		Hiện trạng	Đánh giá chung
		Thu nhập: 41,2 tr.đồng/người/năm	Đạt	70/2.018 hộ (3,47%) (Đã trừ 6 hộ nghèo BTXH)	Đạt	3.692/4.036 người (91,5%)	Đạt	Có 01 HTX	Đạt	Có mô hình liên kết	Đạt	Đạt
2	Xã Ia Kriel	Thu nhập: 37,9 tr.đồng/người/năm	Chưa đạt	130/2.139 hộ (6,14%) (Đã trừ 23 hộ nghèo BTXH)	Đạt	4.331/4.781 người (94,8%)	Đạt	Có 01 HTX	Đạt	Có mô hình liên kết	Đạt	Đạt
3	Xã Ia Kriêng	Thu nhập: 24,7 tr.đồng/người/năm	Chưa đạt	171/3.365 hộ (12,7%) (Đã trừ 19 hộ nghèo BTXH)	Chưa đạt	3.320/3.450 người (96,2%)	Đạt	Chưa có	Chưa đạt	Chưa có	Chưa đạt	Chưa đạt
4	Xã Ia Klia	Thu nhập: 28,5 tr.đồng/người/năm	Chưa đạt	186/1.894 hộ (9,8%) (Đã trừ 16 hộ nghèo BTXH)	Chưa đạt	3.824/3.934 người (97,2%)	Đạt	Có 01 HTX	Đạt	Có mô hình liên kết	Đạt	Đạt
5	Xã Ia Đin	Thu nhập: 24,1 tr.đồng/người/năm	Chưa đạt	146/1.807 nhà (8,1%) (Đã trừ 6 hộ nghèo BTXH)	Chưa đạt	3.096/4.330 người (92,0%)	Đạt	Chưa có	Chưa đạt	Chưa có	Chưa đạt	Chưa đạt
6	Xã Ia Đok	Thu nhập: 27,1 tr.đồng/người/năm	Chưa đạt	276/1.1.997 hộ (13,8%) (Đã trừ 3 hộ nghèo BTXH)	Chưa đạt	4.790/5.165 người (92,7%)	Đạt	Đạt	Đạt	Có mô hình liên kết	Đạt	Đạt
7	Xã Ia Lang	Thu nhập: 32,9 tr.đồng/người/năm	Chưa đạt	175/1.044 hộ (16,8%) (Không có hộ nghèo BTXH)	Chưa đạt	2.321/2.446 người (94,9%)	Đạt	Đạt	Đạt	Có mô hình liên kết	Đạt	Đạt











V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

Biểu số 9: TỜNG HỢP THỰC TRẠNG 49 CHI TIÊU NÔNG THÔN MỚI NĂM 2020  
(Kèm theo Báo cáo số: Đ6/BC-UBND, ngày 30 / 7 /2020 của UBND Huyện Đức Cơ)

Số liệu tổng hợp đến ngày: 30/6/2020

Stt	Quy định đạt chuẩn theo Quyết định 250/QĐ-UBND của UBND tỉnh	18. Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật										19. Quốc phòng và an ninh							
		Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá				
1	Huyện Thị xã, Thành phố	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
2	Xã Ia Đom	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
3	Xã Ia Kriel	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
4	Xã Ia Kirieng	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
5	Xã Ia Klia	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
6	Xã Ia Dăm	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
7	Xã Ia Dok	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
8	Xã Ia Lang	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
9	Xã Ia Năn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
10	Xã Ia Phôn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
Tổng số xã đạt		Có 01/9 xã đạt										08/9 xã đạt							
Vướng mắc, để xuất, kiến nghị		Không										Không							

